

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ NỘI THẤT TRƯỜNG SA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ NỘI THẤT TRƯỜNG SA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110658497

**3. Ngày thành lập:**

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 128 Đường Hậu Ái, Xã Vân Canh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết:<br>Lắp đặt cửa ra vào (loại trừ cửa tự động và cửa cuốn), cửa sổ, khung cửa ra vào, khung cửa sổ bằng gỗ hoặc bằng những vật liệu khác,<br>Lắp đặt thiết bị, đồ dùng nhà bếp, cầu thang và những hoạt động tương tự,<br>Lắp đặt thiết bị nội thất,<br>Hoạt động hoàn thiện bên trong công trình như: Làm trần, ốp gỗ tường, hoặc vách ngăn di chuyển được...<br>Xếp, lợp, treo hoặc lắp đặt trong các toà nhà hoặc các công trình khác như:<br>+ Lát sàn hoặc tường bằng gạch, bê tông, đá xẻ, gạch gốm,<br>+ Lót ván sàn và các loại phủ sàn bằng gỗ khác,<br>+ Thảm và tấm phủ sơn lót sàn, bao gồm bằng cao su và nhựa,<br>+ Lát sàn hoặc ốp tường bằng gạch không nung, đá hoa, đá hoa cương (granit), đá phiến...<br>+ Giấy dán tường,<br>Sơn bên ngoài và bên trong công trình nhà,<br>Sơn các kết cấu công trình dân dụng,<br>Lắp gương, kính,<br>Làm sạch các toà nhà mới sau xây dựng,<br>Các công việc hoàn thiện nhà khác,<br>- Lắp đặt nội thất các cửa hàng, nhà di động, thuyền... | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4390     |

|     |                                                                                                                                                                |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa                                                                                                                             | 4610        |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                      | 4649        |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến                                                  | 4663        |
| 8.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Loại trừ hợp báo)                                                                                                | 8230        |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh loại trừ hoạt động đấu giá | 8299        |
| 10. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất.                                                                                    | 7410        |
| 11. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ<br>Chi tiết:<br>- Cưa, xẻ và bào gỗ<br>- Bảo quản gỗ                                                                            | 1610        |
| 12. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                              | 1621        |
| 13. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                        | 1622        |
| 14. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                        | 1623        |
| 15. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện<br>Chi tiết:<br>Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ                          | 1629        |
| 16. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                        | 8110        |
| 17. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                        | 3320        |
| 18. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                              | 4101(Chính) |
| 19. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                        | 4102        |
| 20. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                  | 4211        |
| 21. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                   | 4212        |
| 22. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                       | 4221        |
| 23. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                            | 4222        |
| 24. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                             | 4223        |
| 25. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                              | 4229        |
| 26. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                       | 4291        |
| 27. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                | 4292        |
| 28. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                          | 4293        |
| 29. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                     | 4299        |
| 30. | Phá dỡ<br>(Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)                                                                                                | 4311        |

